

XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM SAU 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2016)

Nguyễn Thị Xuân Hương

Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: nxhkttm@yahoo.com

Ngày nhận: 8/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/9/2016

Ngày duyệt đăng: 5/10/2016

Tóm tắt:

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng về sản xuất và xuất khẩu gạo. Sau 30 năm chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với những đổi mới về chính sách xuất khẩu và sự nỗ lực của các đơn vị sản xuất, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia đứng đầu về xuất khẩu gạo trên thế giới. Thành tựu trong xuất khẩu gạo của Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển nền kinh tế đất nước. Bài viết này sẽ đề cập đến một số vấn đề về xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016 và giải pháp trong thời gian tới.

Từ khóa: Xuất khẩu gạo, chính sách xuất khẩu gạo, kim ngạch xuất khẩu gạo, thị trường xuất khẩu gạo, giá cả xuất khẩu gạo, chất lượng gạo xuất khẩu.

Rice export of Vietnam after 30 years of innovation (1986 - 2016)

Abstract:

Vietnam has the potential to produce and export of rice. After 30 years of economic transformation from a centrally planned to a market economy, with the renewal of export policy and the efforts of the manufacturers and exporters, Vietnam has become one of the leading rice exporting countries in the world. Achievements in Vietnam's rice exports have contributed significantly to the economic development of the country. The article discusses issues on Vietnam's rice export in the period of 1986 - 2016 and solutions for the future.

Keywords: Rice export, rice export policy, rice export turnover, rice export market, rice export prices, rice export quality.

1. Đặt vấn đề

Sau ba mươi năm đổi mới, xuất khẩu gạo Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn nhưng cũng gặp không ít khó khăn, bất cập. Nghiên cứu xuất khẩu gạo của Việt Nam sau ba mươi năm đổi mới là cần thiết để tìm ra quy luật phát triển cũng như biện pháp và điều kiện để tiếp tục phát triển.

Trong suốt 30 năm qua, có nhiều tác giả nghiên cứu về xuất khẩu gạo, cơ chế xuất khẩu gạo, xúc tiến xuất khẩu gạo... nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về xuất khẩu gạo của Việt Nam sau 30 năm đổi mới. Bài viết này tập trung hệ thống hoá xuất khẩu gạo của Việt Nam sau 30 đổi mới, phân tích từng giai đoạn phát triển, tìm ra điểm mạnh yếu trong xuất

khẩu gạo của Việt Nam và nguyên nhân, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể.

2. Khái quát về tiềm năng sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia có tiềm năng lớn trong sản xuất và xuất khẩu lúa gạo. Năm 1986, Việt Nam có trên sáu triệu héc-ta diện tích trồng lúa, mỗi năm hai vụ với năng suất thấp, tổng sản lượng chỉ đạt 16,6 triệu tấn. Từ khi chuyển đổi cơ chế kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xây dựng đường lối, chính sách thích hợp nhằm phát triển nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng. Ví dụ: Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa VII về tăng cường đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có sự điều tiết của Nhà nước; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nhờ đường lối và chính sách đó, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam nói chung, sản xuất lúa gạo nói riêng đã có những bước chuyển biến tích cực. Năm 1990, diện tích trồng lúa đạt 6,04 triệu ha; tổng sản lượng đạt 19,23 triệu tấn và năng suất đạt 19,23 tạ/ha. Năm 1995, diện tích trồng lúa đã tăng lên 6,77 triệu ha, tổng sản lượng đạt 24,97 triệu tấn và năng suất đạt 36,9 tạ/ha. Diện tích trồng lúa năm 2000 đạt 6,76 triệu ha. Tính đến năm 2005, với những tiến bộ trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất giống lúa mới ngắn ngày, đáp ứng nhu cầu mở rộng diện tích canh tác hàng năm, diện tích trồng lúa của Việt Nam tăng 0,66 triệu ha so với năm 2000, tổng sản lượng đạt 35,64 triệu tấn (tăng gần gấp đôi so với năm 1986). Năm 2010, tổng diện tích trồng lúa đạt 7,49 triệu ha, tổng sản lượng đạt 39,99 triệu tấn (tăng 4,35 triệu tấn so với năm 2005, tăng gấp 2,4 lần so với năm 1986 và gấp 2,08 lần so với 1990). Từ năm 2010 đến 2013, tốc độ tăng diện tích trồng lúa và tổng sản lượng tăng chậm dần và giảm vào các năm 2015, 2016. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do xu thế chuyển đổi diện tích trồng lúa sang diện tích trồng cây hoa màu khác và xây dựng các khu công nghiệp, từ đó tổng sản lượng tăng chậm dần (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2015).

Tuy diện tích gieo trồng giảm nhưng nhờ có giống lúa mới và năng suất lúa tăng nên tổng sản lượng không giảm.

Trong suốt ba mươi năm qua, tổng sản lượng lúa liên tục tăng là cơ sở để đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước và cho hoạt động xuất khẩu.

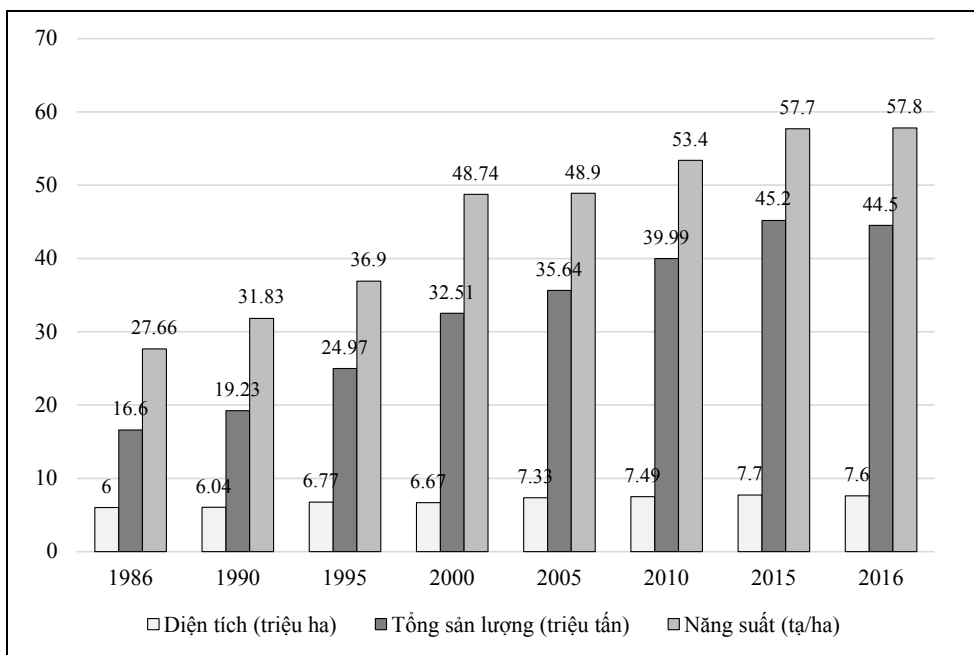
3. Thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016

3.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gạo

Mặc dù là nước nông nghiệp, nhưng trong giai đoạn trước 1986 Việt Nam luôn thiếu lương thực và phải nhập khẩu lương thực. Từ 1980 đến 1985, Việt Nam phải nhập bình quân một triệu tấn lương thực một năm.

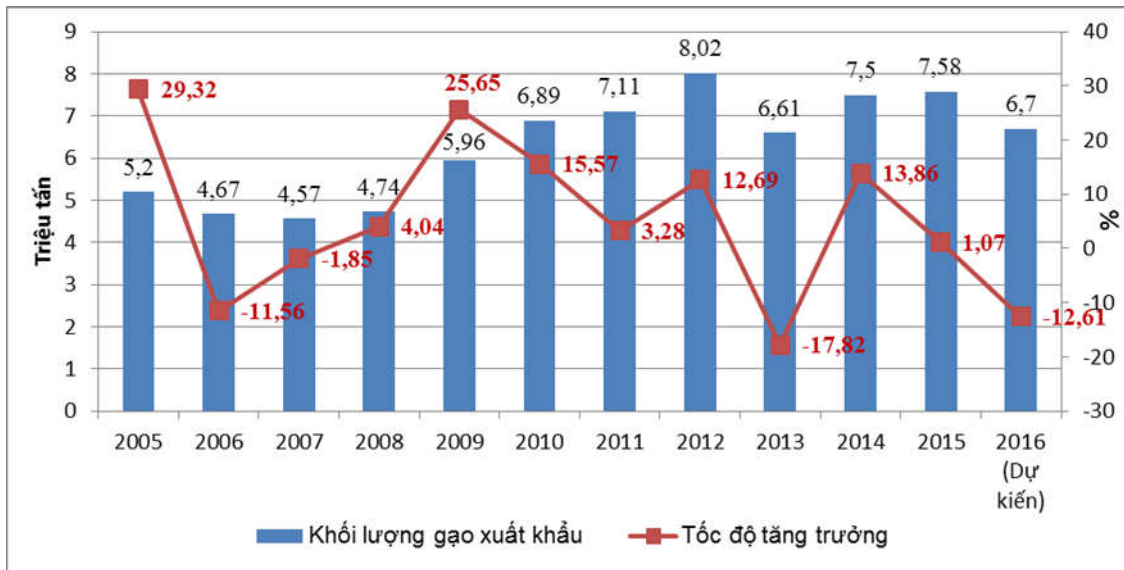
Kể từ 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nông nghiệp Việt Nam đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Chỉ sau ba năm (năm 1989), Việt Nam đã chính thức tham gia vào thị trường lúa gạo thế giới. Với kinh nghiệm còn hạn chế, chưa có thương hiệu trên thị trường, nhưng năm 1989 Việt Nam xuất khẩu được 1,4 triệu tấn gạo với giá bình quân là 204 USD/tấn và thu về 290 triệu USD. Năm 1995, Việt Nam xuất khẩu được trên 2 triệu tấn gạo và đạt kim ngạch khoảng 531 triệu USD. Năm 1996, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt trên 3 triệu tấn và thu về 868 triệu USD. Lần đầu tiên Việt Nam vươn lên đứng thứ hai về xuất khẩu lúa gạo trên thế giới và đạt kim ngạch một tỷ USD vào năm 1998. Năm

Hình 1: Diện tích gieo trồng, tổng sản lượng và năng suất lúa Việt Nam (1986 - 2016)



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 2: Khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam (2005 - 2016)



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2005 - 2008) và Tổng cục Hải quan (2009 - 2016)

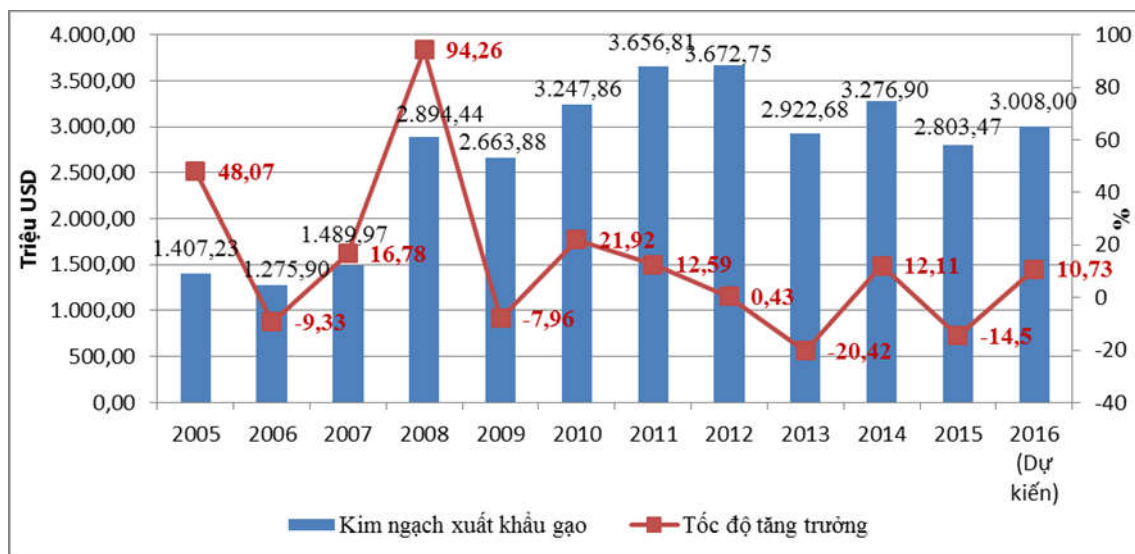
1999, thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng lớn đến sản xuất lúa gạo, năng suất lúa giảm. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn xuất khẩu được 4,5 triệu tấn và thu về trên một tỷ USD.

Năm 2000, thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn tới sản xuất lúa gạo. Mặc dù có sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và các ban ngành có liên quan nhưng sản lượng gạo xuất khẩu vẫn giảm đáng kể. Trong suốt quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước đã điều chỉnh, ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp. Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 18/3/2002 về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp đã đem lại nhiều điều kiện để phát triển Nông nghiệp. Năm 2005 Việt Nam xuất khẩu được

5,25 triệu tấn gạo, thu về 1,407 tỷ USD với giá bình quân 268 USD/tấn.

Chính phủ thành lập tổ điều hành xuất khẩu gạo và ra Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 quy định hướng điều hành xuất khẩu gạo. Theo đó, Chính phủ quyết định Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh có sản lượng lúa hàng hoá lớn và Hiệp hội Lương thực Việt Nam điều hành xuất khẩu gạo theo nguyên tắc đảm bảo an ninh lương thực, tiêu thụ hết lúa hàng hoá và đảm bảo giá lúa có lợi cho nông dân. Theo phân công, Hiệp hội Lương thực sẽ thay mặt Nhà nước chỉ định giao dịch dự thầu hoặc ký kết hợp

Hình 3: Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam (2005 - 2016)



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2005 - 2008) và Tổng cục Hải quan (2009 - 2016)

đồng xuất khẩu tập trung cho các công ty thành viên dựa trên các hợp đồng Chính phủ, kiểm soát các hợp đồng thương mại, giám sát giá xuất khẩu.

Nghị quyết 26-NQ/2008 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn ra đời đã tạo ra các điều kiện thuận lợi để Việt Nam xây dựng và phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện, hiện đại, bền vững có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2012, khối lượng gạo xuất khẩu tăng đều qua các năm. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu tăng không đều thậm chí còn có những năm giảm sút. Cụ thể năm 2006 giảm 9,33% so với 2005; năm 2009 giảm 7,96% so với năm 2008. Lý do chủ yếu của việc kim ngạch xuất khẩu gạo giảm năm 2009 là do giá gạo thế giới giảm mạnh, bên cạnh đó gạo Việt Nam kém cạnh tranh trên thị trường về chất lượng nên giá gạo Việt Nam giảm sâu hơn giá gạo của các nước xuất khẩu khác. Năm 2012, Việt Nam đã xuất khẩu được hơn 8 triệu tấn gạo, tăng 12,69% so với năm 2011. Đây là giai đoạn Việt Nam đạt được khối lượng gạo xuất khẩu đạt mức cao nhất trong hơn 30 năm đổi mới.

Năm 2013, xuất khẩu gạo của Việt Nam giảm cả khối lượng và kim ngạch so với năm 2012. Năm 2015, giá lúa gạo trên thị trường thế giới giảm (chỉ số giá gạo do tổ chức FAO công bố cho thấy năm 2014: 237; năm 2015: 215) nên xuất khẩu gạo đạt 7,58 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2014 nhưng kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh (giảm trên 151 triệu

USD). Để cạnh tranh, Việt Nam xuất khẩu nhiều gạo phẩm cấp thấp cho thị trường châu Phi (Hiệp hội Lương thực Việt Nam, 2015).

Sáu tháng đầu năm 2016, thị trường gạo có biến động mạnh. Thái Lan xả hàng tồn kho phẩm cấp thấp. Giá xuất khẩu gạo đang có xu hướng tăng 3,28% so với năm 2015. Kim ngạch xuất khẩu gạo 2016 ước đạt trên 3 tỷ USD.

Nhịp độ tăng trưởng về khối lượng gạo xuất khẩu có những giai đoạn thuận chiều với nhịp độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gạo, có những giai đoạn không thuận chiều với nhịp độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gạo (xem Bảng 1). Tuy khối lượng và kim ngạch gạo xuất khẩu không tăng đều qua các năm, nhưng về tổng thể từ năm 1986 đến năm 2016, gạo xuất khẩu Việt Nam vẫn tăng trưởng cao về lượng và kim ngạch, đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3.2. Về mặt hàng, phẩm cấp và giá gạo xuất khẩu

Trước 1986, Việt Nam chỉ có một vài giống lúa, cho năng suất thấp, sản lượng không đủ cung cấp cho tiêu dùng trong nước. Từ sau khi đổi mới cơ chế quản lý, khoa học ứng dụng có nhiều điều kiện phát triển. Nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng đem lại cho nền nông nghiệp Việt Nam những bước tiến mới. Trong 30 năm qua, Việt Nam đã nghiên cứu tạo ra nhiều giống lúa mới cho năng suất, chất lượng tốt hơn, có khả năng thích nghi và chống lại sâu bệnh

Bảng 1: Nhịp độ tăng trưởng khối lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam (2005 - 2016)

Năm												
	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016 (dự kiến)
Nhịp độ tăng trưởng												
Khối lượng gạo xuất khẩu (%)	29,32	-11,56	-1,85	4,04	25,65	15,57	3,28	12,69	-17,82	13,86	1,07	-12,61
Khối lượng gạo xuất khẩu (%)	48,07	-9,33	16,78	94,26	-7,96	21,92	12,59	0,43	-20,42	12,11	-14,5	10,73

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2005 - 2008, Tổng cục Hải quan, 2009 - 2016

tốt hơn trong điều kiện khí hậu Việt Nam. Đến nay, Việt Nam có đến hàng trăm giống lúa khác nhau nhưng giống lúa đáp ứng tiêu chuẩn cho xuất khẩu gạo không nhiều. Thái Lan, Ấn Độ là các quốc gia có nhiều giống lúa đáp ứng cho xuất khẩu gạo và gạo xuất khẩu của họ thường có chất lượng cao hơn nhiều so với chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác, hầu hết gạo xuất khẩu của Việt Nam đều có nguồn gốc từ nước ngoài nên việc xây dựng thương hiệu gạo xuất khẩu theo giống lúa gặp nhiều khó khăn. Việt Nam chưa có thương hiệu cho từng giống lúa (Phạm Hồng Trang, 2015).

Trong những năm đầu tiên tham gia vào thị trường lúa gạo, Việt Nam phải bán cho các nước có truyền thống xuất khẩu gạo để chế biến lại và tái xuất, chịu chi phí trung gian. Lý do chủ yếu của tình trạng trên là Việt Nam chưa có giống lúa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và công nghệ chế biến còn lạc hậu nên gạo xuất khẩu chủ yếu là gạo có phẩm cấp thấp, gạo cấp cao chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Gạo xuất khẩu chủ yếu là gạo có tỷ lệ tấm từ 25 đến 30%. Với những nỗ lực về đầu tư giống lúa, công nghệ chế biến và gieo trồng, phẩm cấp gạo xuất khẩu của Việt Nam đã không ngừng tăng lên. Trong 10 năm gần đây, chất lượng gạo xuất khẩu đã được nâng lên, gạo phẩm cấp cao thường chiếm tỷ lệ trên 40% trong tổng số khối lượng gạo xuất khẩu hàng năm. Nhìn chung trong suốt chặng đường gần 30 năm xuất khẩu gạo, chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng tăng tỷ lệ gạo phẩm cấp cao và trung bình, đồng thời giảm tỷ lệ gạo phẩm cấp thấp (tính theo tỷ lệ tấm), tuy nhiên mức tăng không ổn định. Năm 2005, tỷ lệ gạo xuất khẩu 5 đến 10% tấm đạt 41,2%, gạo 15% tấm là 14,15% và gạo 25 đến 30% tấm là 44,65%. Năm 2008 là năm chúng ta đạt sản lượng xuất khẩu cũng như kim ngạch xuất khẩu cao nhất và cũng là năm Việt Nam có tỷ lệ gạo xuất khẩu 5 đến 10% tấm đạt 53%, gạo 15% tấm là 11% và

gạo 25 đến 30% tấm là 36%. Đây là thành quả đáng khích lệ trong suốt quá trình phấn đấu của Việt Nam trên thị trường gạo thế giới. Trong năm 2009, gạo 5 đến 10% tấm lại giảm xuống còn 51%, năm 2010 là 41,68%. Từ năm 2011 đến 2016, do nhu cầu của thị trường gạo xuất khẩu của Việt Nam có sự thay đổi: giá gạo loại 25 đến 30% tấm tăng cao và Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước châu Phi và châu Á – những nước có nhiều nhu cầu về gạo phẩm cấp thấp và trung bình. Vì vậy, Việt Nam đã quyết định giảm tỷ lệ gạo tấm 5-10% nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhìn chung, chất lượng gạo của Việt Nam còn thấp so với chất lượng gạo của các đối thủ cạnh tranh, hoạt động xúc tiến xuất khẩu gạo chưa hiệu quả và giá gạo xuất khẩu của Việt Nam còn thấp hơn giá gạo của nhiều nước.

Mặc dù là nước xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới, nhưng giá gạo xuất khẩu của Việt Nam luôn thấp hơn nhiều so với giá gạo cùng loại của Thái Lan và Ấn Độ. Giá gạo trung bình cho gạo phẩm cấp cao hay phẩm cấp thấp của Việt Nam hầu như thấp hơn của Thái Lan khoảng 25 đến 30 USD/tấn. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam kém hơn so với Thái Lan, Ấn Độ và một số nước xuất khẩu khác. Giá trị xuất khẩu thấp, dẫn đến kim ngạch xuất khẩu thấp, hiệu quả xuất khẩu không cao.

3.3. Về thị trường xuất khẩu gạo

Sản lượng lúa gạo trên thế giới ngày càng tăng (năm 2015 đạt 749,1 triệu tấn). Sản lượng lúa gạo châu Á chiếm 90,4% tổng sản lượng lúa gạo thế giới (đạt 677,7 triệu tấn). Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, mức tiêu thụ gạo tính theo đầu người một năm trên thế giới hiện nay khoảng 58 kg. Riêng ở các nước châu Á, mức tiêu thụ gạo bình quân đầu người vào khoảng 95 kg/người/năm. Lượng gạo tiêu thụ

Bảng 2: Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam so với Thái Lan 2015

Đơn vị: USD/tấn

Thời gian	Gạo 5% tấm		Gạo 25% tấm	
	Thái Lan	Việt Nam	Thái Lan	Việt Nam
Trung bình năm 2015	340 - 420	320 - 390	344 - 400	315 - 365
Trung bình năm 2014	370 - 445	370 - 465	350 - 400	360 - 410
Năm 2015 so với 2014	Giảm 25 - 30	Giảm 50 - 75	Giảm 6	Giảm 45 - 55

Nguồn: Hiệp hội Lương thực Việt Nam, 2015

tại châu Á chiếm khoảng 90% lượng gạo tiêu thụ trên toàn thế giới.

Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam từng bước được phát triển và mở rộng. Nếu năm 1989 Việt Nam chỉ mới xuất khẩu gạo sang các thị trường Singapore, Nga. Gạo xuất khẩu chủ yếu là gạo thô, phẩm cấp thấp. Một số quốc gia nhập khẩu gạo của Việt Nam để chế biến lại và xuất ra thị trường thế giới với thương hiệu của họ. Năm 1991, Việt Nam đã xuất khẩu gạo sang hơn 20 nước, năm 1993-1994 trên 50 nước và đến năm 2013 sang 129 nước. Trong đó, châu Á và châu Phi là hai thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam.

Trước năm 2012 Philippines luôn dẫn đầu, đứng thứ hai là Malaysia và tiếp theo lần lượt là các nước Singapore, Cuba, Iraq là những thị trường truyền thống của nước ta. Từ năm 2012 đến 2015, Trung Quốc vượt lên trở thành thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, năm 2013 Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam 2.148.846 tấn gạo chiếm 32,6% tổng khối lượng xuất khẩu gạo, thứ hai là Philippines. Ngoài ra, còn các nước khác như Singapore, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Hà Lan nhập khẩu gạo nước ta chủ yếu để tái xuất (Phạm Hồng Trang, 2015).

Năm 2014 và 2015, gạo Việt Nam xuất khẩu vào hai thị trường lớn Trung Quốc và Philippines có sự biến động mạnh (năm 2014, sản lượng gạo xuất khẩu vào Trung Quốc giảm chỉ còn trên hai triệu tấn; năm 2015 tăng hơn năm 2014 và đạt 2.115.024 tấn, kim ngạch xuất khẩu giảm 3,59%). Thị trường Philippines giảm cả lượng và kim ngạch xuất khẩu. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do giá gạo xuất khẩu giảm (xem Bảng 2). Trong hai năm 2014 và 2015 xuất khẩu vào thị trường Nga tăng trên 106,27% (năm 2014 là 23.649 tấn; năm 2015 đạt 48.780 tấn). Theo dự báo của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, năm 2016 Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu gạo Việt Nam nhiều nhất.

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp cho xuất khẩu gạo Việt Nam

Qua 30 năm đổi mới, sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần vào bảo đảm an ninh lương thực, thúc đẩy tăng trưởng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã vươn lên là một trong ba nước đứng đầu về xuất khẩu gạo trên thế giới, chỉ sau Thái Lan và Ấn Độ. Hiện nay, Việt Nam không chỉ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng gạo trong nước mà hàng năm còn xuất khẩu được khoảng 4-8 triệu tấn gạo. Kim ngạch xuất

khẩu gạo của Việt Nam không ngừng tăng lên, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Chất lượng gạo của Việt Nam đã dần nâng cao để cạnh tranh với gạo của Thái Lan và nhiều nước trên thế giới. Nhiều loại gạo Việt Nam đã chinh phục được thị trường thế giới. Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam ngày càng mở rộng và đã chinh phục được nhiều thị trường khó tính như: Hoa Kỳ, Pháp, Bỉ, Hà Lan... Nhiều quốc gia đã trở thành thị trường truyền thống, tiêu thụ một lượng lớn gạo của Việt Nam như: Trung Quốc, Philippines, Ganna, Malaysia, Indonesia, Singapore, Hồng Kông.

Tuy nhiên thực tế hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam thời gian qua cũng đã cho thấy những bất cập về xuất khẩu gạo, nếu không khắc phục kịp thời thì khả năng thua thiệt, hiệu quả thấp và mất thị trường là điều có thể, nhất là khi Việt Nam bước vào thực hiện các hiệp định FTA mới. Những bất cập và tồn tại cơ bản là:

Thứ nhất, Việt Nam chưa chủ động được trong xuất khẩu gạo. Nguyên nhân chủ yếu là do nông dân sản xuất nhỏ lẻ, phân tán. Việt Nam thiếu hệ thống logistics nông nghiệp để thu gom, bảo quản, chế biến làm gia tăng giá trị vào xuất khẩu; hệ thống phân phối quá nhiều cầu cấp, qua thương lái vẫn là chủ yếu (Phạm Nguyên Minh & Trương Tấn Quân, 2016).

Thứ hai, chất lượng gạo xuất khẩu chưa cao. Lý do chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là Việt Nam chưa có nhiều giống lúa chất lượng cao thích hợp cho xuất khẩu. Gian lận thương mại dẫn đến việc trộn lẫn các loại gạo để xuất khẩu. Một lý do khác đó là công nghệ chế biến, dự trữ, bảo quản chưa đủ hiện đại để đạt chất lượng gạo xuất khẩu tốt hơn.

Thứ ba, công tác marketing chưa đủ mạnh ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Hệ thống thông tin về thị trường gạo và nhân tố ảnh hưởng đến thị trường gạo chưa kịp thời, độ chính xác không cao dẫn đến công tác dự báo thị trường chưa chuẩn xác, chưa kịp thời. Việc triển khai các hoạt động xúc tiến chưa đồng bộ giữa các cơ quan trung ương, địa phương, các cơ quan xúc tiến thương mại và chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa Nhà nước và doanh nghiệp. Việt Nam chưa có thương hiệu gạo xuất khẩu riêng theo giống lúa do Việt Nam chưa quan tâm đúng mức đến xây dựng thương hiệu, mặt khác do gạo xuất khẩu của Việt Nam được sản xuất từ các giống lúa nhập khẩu.

Thứ tư, cơ cấu thị trường xuất khẩu chưa hợp lý, chưa đảm bảo tính bền vững. Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn chủ yếu là thị trường đòi hỏi phẩm cấp sản phẩm gạo không cao, thị trường có

sức mua thấp chủ yếu tập trung ở khu vực châu Á và châu Phi. Trong đó, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ lớn. Những biến động trên thị trường này ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Thứ năm, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn giá gạo xuất khẩu của một số nước như Thái Lan, Ấn Độ, Hoa Kỳ. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là: chất lượng gạo xuất khẩu còn kém, phẩm chất thấp, mẫu mã chưa đáp ứng được yêu cầu của các thị trường khó tính, cạnh tranh giữa chính các doanh nghiệp xuất khẩu gạo của Việt Nam, dự báo thị trường nông sản trong khu vực và trên thế giới chưa phân tích đầy đủ các yếu tố tác động đến giá cả trong nhiều năm.

Thứ sáu, công tác quản lý xuất khẩu gạo chưa tốt, gạo chất lượng kém vẫn còn tham gia vào thị trường xuất khẩu đã ảnh hưởng đến uy tín của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Phân cấp trong xuất khẩu gạo đem lại thuận lợi trong kiểm soát xuất khẩu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực đồng thời cũng làm hạn chế số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu gạo, giảm cạnh tranh trong thu mua và xuất khẩu gạo. Phân cấp xuất khẩu gạo có thể dẫn đến tình trạng nông dân khó khăn trong tiêu thụ lúa gạo và bị thương lái ép giá.

Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh đảm bảo an ninh lương thực và thực hiện các cam kết quốc tế:

- *Tăng cường hoạt động marketing trong xuất khẩu gạo, trước hết cần tăng cường xúc tiến xuất khẩu gạo và đầu tư xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam.* Tuy đã từng bước chú trọng xúc tiến xuất khẩu, đầu tư xây dựng thương hiệu gạo xuất khẩu, song việc đầu tư chưa tương xứng với mức độ gia tăng cũng như mục tiêu của xuất khẩu gạo. Điều quan trọng nhất hiện nay là Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần tạo lập các điều kiện để sớm xây dựng thương hiệu gạo quốc gia của Việt Nam; xây dựng hệ thống thông tin thị trường chuẩn mực; xây dựng cơ chế hoạt động có phối hợp nhịp nhàng hoạt động xúc tiến giữa các bộ phận, các khu vực. Hoạt động thương mại ở các thị trường xuất khẩu gạo cần có thông tin kịp thời, chính xác về nhu cầu, cạnh tranh và những yếu tố ảnh hưởng cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Thông qua hoạt động thương mại, các doanh nghiệp xuất khẩu tiến hành các hoạt động xúc tiến đến khách hàng tiềm năng.

- *Xây dựng và phát triển hệ thống logistics nông nghiệp của Việt Nam.* Đây là vấn đề hầu như chưa được chú trọng ở Việt Nam. Trước mắt, cần xây dựng các chính sách phát triển dịch vụ logistics để

thúc đẩy phân phối và lưu thông hàng nông sản cho cả thị trường trong nước và cho xuất khẩu trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp. Cần ưu tiên cho các nhà đầu tư xây dựng hệ thống logistics mà trước mắt là các trung tâm logistics tại các khu vực sản xuất lúa lớn của Việt Nam như Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. Ví dụ: tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp xây dựng kho bãi phục vụ cho tích trữ, bảo quản lúa gạo trong việc thuê đất, miễn giảm thuế thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp trong những năm đầu triển khai kinh doanh.

- *Tận dụng hiệu quả các cơ hội cho xuất khẩu gạo của Việt Nam khi Việt Nam tham gia vào các FTA.* Khi thực hiện các FTA thế hệ mới, xuất khẩu gạo Việt Nam cũng đứng trước những cơ hội và thách thức. Tham gia vào TPP, có bốn quốc gia có dư địa lớn về thuế xuất nhập khẩu gạo là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Mexico và Malaysia nhưng đối với thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ rất khó xâm nhập. Do vậy, Việt Nam cần khai thác lợi thế khi xuất khẩu gạo vào thị trường Mexico và Malaysia và tận dụng các cơ hội từ các FTA mang lại cho sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam. Trước hết, đầu tư nghiên cứu thị trường Mexico và Malaysia; chuẩn bị tốt loại gạo phù hợp nhu cầu và có tính cạnh tranh trên hai thị trường này; tăng cường ký kết hợp đồng với các bạn hàng truyền thống.

- *Hoàn thiện và bổ sung cơ chế, chính sách xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh mới.* Hoàn thiện cơ chế điều hành xuất khẩu gạo theo hướng mở rộng các đối tượng được xuất khẩu gạo trực tiếp, khuyến khích và thúc đẩy sản xuất lương thực vừa đảm bảo an ninh lương thực vừa mở rộng thị trường xuất khẩu gạo.

Bổ sung và hoàn thiện chính sách duy trì và sử dụng hiệu quả quỹ đất trồng lúa hiện nay ở nước ta tránh chuyển đổi mục đích sử dụng tràn lan như hiện nay gây nguy cơ mất an ninh lương thực trong tương lai. Trước hết, hạn chế cấp đất trồng lúa cho các dự án công nghiệp, thu hồi đất dự án đã được cấp nhưng không triển khai hoạt động. Xây dựng chính sách phát triển hệ thống logistics nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam. Có chính sách ưu đãi về vốn cho các đơn vị đầu tư giao thông nông thôn và kho bãi dự trữ lúa gạo.

- *Tăng cường công tác dự báo thị trường.* Cần có dự báo chuyên sâu cho từng thị trường; thông tin kịp thời, cụ thể và lâu dài hơn làm căn cứ cho các nhà xuất khẩu ra quyết định. Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cần đầu tư cho các

công trình nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp bộ để phân tích dự báo thị trường lúa gạo thế giới cũng như thị trường lúa gạo Việt Nam. Thậm chí đặt hàng mua thông tin về thị trường lúa gạo thế giới từ các công ty nghiên cứu uy tín trên thế giới.

- *Đa dạng hoá thị trường xuất khẩu theo hướng bền vững.* Mặc dù ba mươi năm qua, gạo Việt Nam đã có mặt ở nhiều nước trên thế giới nhưng cơ cấu thị trường chưa hợp lý, chưa ổn định. Gạo Việt Nam chưa có mặt trên một số thị trường có yêu cầu cao về chất lượng. Trong giai đoạn tới, Việt Nam một mặt cần tăng cường xuất khẩu gạo sang một số thị trường như Mexico và Malaysia, một mặt tăng cường xúc tiến và xuất khẩu gạo vào thị trường Pháp, Hà Lan, giảm áp lực phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

- *Nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu.* Nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu cần thực hiện trên cả ba khâu: giống, gieo trồng và chế biến. Đặc biệt tăng cường công tác quản lý thị trường về chất lượng gạo nhằm giảm thiểu việc gian lận thương mại trong chế biến gạo. Ưu tiên đầu tư công nghệ chế biến; đầu tư công nghệ sinh học trong sản xuất giống lúa chất

lượng cao phục vụ cho xuất khẩu. Trước mắt cần lựa chọn những giống chủ lực hiện có đảm bảo độ đồng đều cho chất lượng gạo xuất khẩu. Giao cho Học viện Nông nghiệp Việt Nam và các trung tâm giống cây trồng nghiên cứu và sản xuất giống lúa phù hợp với nhu cầu xuất khẩu.

- *Thiết lập chuỗi giá trị xuất khẩu gạo theo hướng:* Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu chiến lược phát triển giống lúa xuất khẩu, định hướng loại gạo xuất khẩu chủ lực, xây dựng quy trình sản xuất; nông dân sản xuất lúa gạo theo quy trình; các đơn vị chế biến gạo đảm bảo chất lượng gạo theo tiêu chuẩn xuất khẩu; Bộ Công Thương và các doanh nghiệp xuất khẩu tổ chức tiếp thị và bán hàng; các doanh nghiệp xuất khẩu tổ chức các hoạt động hậu mãi và phát triển kinh doanh; Nhà nước xây dựng cơ chế phân phối lợi ích giữa các thành phần trong chuỗi và đưa ra các quy định bảo vệ môi trường. Nguyên lý cơ bản đảm bảo lợi ích của các bên tham gia và đặc biệt quan tâm đến lợi ích của người trồng lúa. □

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị (1988), *Nghị quyết 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, ban hành ngày 5 tháng 4 năm 1988.
- Ban Chấp hành Trung ương (1993), *Nghị quyết 5-NQ/TW về giao cho Bộ chính trị và Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề trong Điều lệ Đảng*, ban hành ngày 10 tháng 6 năm 1993.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết 15-NQ/TW về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*, ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2002.
- Bộ Chính trị (2008), *Nghị quyết 26-NQ/TW hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, ban hành ngày 5 tháng 8 năm 2008.
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định 12/2006-NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài*, ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2006.
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Báo cáo của Chính phủ về Tình hình kinh tế xã hội năm 2015 và kế hoạch phát triển năm 2016*.
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Báo cáo Chính phủ ngày 17/10/2015.
- Công ty Cổ phần Phân tích và Dự báo Thị trường Việt Nam (2016), *Báo cáo thị trường lúa gạo quý II/2016 và triển vọng quý III/2016*, tháng 7 năm 2016.
- Cục Xúc tiến Thương mại (2015), *Thị trường lúa gạo thế giới năm 2015 và dự báo năm 2016*, Báo điện tử ngày 23 tháng 9 năm 2015.
- Hiệp hội Lương thực Việt Nam (2015), *Báo cáo của Hiệp hội lương thực Việt Nam năm 2015*.
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (2015), *Báo cáo của Liên hiệp hợp tác xã Việt Nam năm 2015*.
- Phạm Nguyên Minh & Trương Tấn Quân (2016), *Một số vấn đề thương mại và logistics ở Việt Nam thời kỳ đổi mới 1986 - 2016*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
- Phạm Hồng Trang (2015), *Xúc tiến xuất khẩu gạo của Bộ Công thương đối với xuất khẩu gạo*, luận văn thạc sĩ. www.cpv.org.vn.
- Tổng cục Hải Quan Việt Nam (2005), *Báo cáo thường niên 2005*.
- Tổng cục Thống kê (1990, 1995, 1998, 2000, 2012, 2014, 2015), *Niên giám thống kê hàng năm*.